

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: **18 /2025/KDTM-ST**
Ngày: 31/3/2025
V/v: T/c hợp đồng bảo hiểm

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Phi Hồ

Bà Vương Thị Khánh Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà La Nguyễn Minh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2025 tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2018/TLST-KDTM ngày 23 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST - KDTM ngày 12 tháng 10 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa ngày 03/3/2025; Thông báo dời phiên tòa ngày 27/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV X;

Địa chỉ: 2394/7 F, Nguyễn Ái Q, khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Bùi Minh H** - Chức vụ: Giám Đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đặng Bá K**

Địa chỉ: Số D Đ, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần B;

Địa chỉ: 1 đường số E, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Doãn Đ** – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hữu S** và ông **Đoàn Văn T**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng TMCP X1

Địa chỉ trụ sở: Tầng H, văn phòng số L+16 tòa nhà V, số G L, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q1 – Tổng Giám Đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Sĩ Trí Q2

2. Trung tâm Ô – Công ty CP X2

Địa chỉ: Số E đường N, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

(Ông Bùi Minh H, ông Đặng Bá K, ông Trần Hữu S1, ông Đoàn văn T có mặt, các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH MTV X là ông Đặng Bá K trình bày :*

Ngày 03/12/2015, Công ty TNHH MTV X có ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần X1 - Chi nhánh S2 - Phòng giao dịch Nguyễn Công T1 để vay số tiền 840 triệu đồng nhằm mục đích thanh toán tiền mua một chiếc ô tô đầu kéo để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Thời hạn cho vay 60 tháng (5 năm) tính từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Cùng ngày 03/12/2015, Công ty X và Ngân hàng E đã ký kết Hợp đồng thế chấp nhằm bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay nêu trên. Tài sản thế chấp là Xe ô tô đầu kéo mang biển kiểm soát 60C - 232.40; Tài sản thế chấp này chính là tài sản được hình thành từ vốn vay vừa trình bày. Ngày 02/12/2015 Công ty X, Ngân hàng E, và Công ty cổ phần B - Chi nhánh Đ2 có ký kết "Hợp đồng bảo hiểm tự nguyện xe ô tô" (Số hiệu Hợp đồng: 1101-0610-070100-15-000311) nhằm bảo hiểm thiệt hại vật chất xe đối với Xe ô tô đầu kéo mang biển kiểm soát 60C - 232.40 (Trong hợp đồng bảo hiểm có quy định rõ: Ngân hàng E là đơn vị thụ hưởng đầu tiên và duy nhất nếu xảy ra tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm. Vào lúc 6h00 ngày 14/8/2016 (Ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm); Xe ô tô đầu kéo mang biển kiểm soát 60C - 232.40 trong lúc lưu thông tại đoạn đường Q thuộc địa phận Xã K, Huyện K, Tỉnh Hà Tĩnh đã xảy ra tai nạn giao thông với xe ô tô mang biển kiểm soát 38C - 07826. Hậu quả là cả 2 xe đều bị hư hại nặng, Công ty X đã tiến hành bồi thường thiệt hại cho chủ xe 38C - 07826. Sau khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, Công ty X đã thông báo đến Công ty cổ phần B, và đã được Bị đơn yêu cầu cẩu kéo xe ô tô đầu kéo mang biển kiểm soát 60C - 232.40 đến Garage của Trung tâm Ô Tô U (G được chỉ định) trên địa bàn Thành phố V - Tỉnh Nghệ An (Địa chỉ: Số E Đường N, Thành phố V, Nghệ An) để tiến hành kiểm tra và sửa chữa. Mặc dù Xe ô tô đầu kéo mang biển kiểm soát 60C - 232.40 bị

hư hại rất nặng; Nhưng ngày 01/12/2016, Công ty cổ phần B, đã ban hành Công văn số 1431/16/CV-AAA/BTTH, với nội dung chỉ chấp nhận bồi thường cho thiệt hại vật chất của Xe ô tô đầu kéo mang biển kiểm soát 60C - 232.40 với số tiền là 143.400.227 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu, bốn trăm ngàn, hai trăm hai mươi bảy đồng). Công ty X không chấp nhận khoản bồi thường khoán này, vì nó không tương xứng với thiệt hại thực tế đã xảy ra. Do Các Bên không thể thống nhất được việc giải quyết tranh chấp, chi trả bồi thường; Cho nên, Công ty X đã khởi kiện Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm AAA ra Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa; Với những yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể sau đây:

Thứ nhất – Căn cứ Khoản 1 Điều 46 Luật Kinh Doanh Bảo Hiểm; Căn cứ kết luận tại Chứng thư giám định số 19ND0323-CT/TA ngày 20/09/2019: Buộc Tổng công ty cổ phần B (Bị đơn) phải bồi thường tổn thất vật chất Xe ô tô đầu kéo mang biển kiểm soát 60C - 232.40 số tiền là 301.634.000 đồng cho Người thụ hưởng là Ngân hàng E. Thứ hai – Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 17 Luật Kinh Doanh Bảo Hiểm; Căn cứ các Điều 13, 351, 357, 360, 361, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc Công ty cổ phần B (Bị đơn) phải trả số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, với số tiền tạm tính từ ngày 14/08/2016 xảy ra sự kiện bảo hiểm, đến thời điểm tạm tính ngày 14/8/2023 (Tròn 7 năm) là: 211.143.800 đồng cho Người thụ hưởng là Ngân hàng E. Sở dĩ, ở đây Chúng tôi dùng từ tạm tính, vì Tổng Công ty cổ phần B (Bị đơn), có nghĩa vụ phải chi trả tiền lãi chậm trả, cho đến thời điểm thi hành án xong. Thứ ba – Căn cứ Đoạn cuối Khoản 1 Điều 46, Đoạn cuối Khoản 1 Điều 48 Luật Kinh Doanh Bảo Hiểm: Buộc Tổng công ty cổ phần B (Bị đơn), có nghĩa vụ phải hoàn trả lại cho Nguyên đơn số tiền 53.488.000 đồng, là tiền chi phí giám định tổn thất, mà Nguyên đơn đã phải nộp tạm ứng cho Tòa án. Thứ tư – Căn cứ Khoản 3 Điều 46 Luật Kinh Doanh Bảo Hiểm; Căn cứ các Điều 13, 351, 360, 361 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Công văn số T01/2018/TTOTO ngày 19/04/2018 của Trung tâm Ô tô Unimex: Buộc Tổng công ty cổ phần B (Bị đơn) phải bồi thường thiệt hại là chi phí lưu bãi mà Nguyên đơn phải thanh toán cho Trung tâm Ô (G được chỉ định) tạm tính thời gian từ ngày 30/11/2016 đến ngày 05/12/2023 (Làm tròn 7 năm) là 232.000.000 đồng, để lấy được xe ra khỏi Trung tâm Ô Tô U. Sở dĩ, ở đây Chúng tôi dùng từ tạm tính, vì chi phí lưu bãi thực tế phải được tính đến thời điểm thi hành án xong, tức là thời điểm Xe được đưa ra khỏi Trung tâm Ô. Thứ năm - Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 17 Luật Kinh Doanh Bảo Hiểm; Căn cứ các Điều 13, 351, 360, 361, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc Tổng công ty cổ phần B (Bị đơn) phải bồi thường thiệt hại do chậm thực hiện nghĩa vụ chi trả tiền bồi thường bảo hiểm, dẫn đến thu nhập thực tế bị mất và uy tín thương mại của Nguyên đơn bị giảm sút, cho khoảng thời gian tính từ ngày 14/08/2016 xảy ra sự kiện bảo hiểm, đến thời điểm Tòa án thụ lý

giải quyết Vụ án ngày 27/07/2017 (Làm tròn 11 tháng) với số tiền là 550 triệu đồng. Thứ sáu - Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 17 Luật Kinh Doanh Bảo Hiểm; Căn cứ các Điều 13, 351, 360, 361, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc Tổng công ty cổ phần B (Bị đơn) phải bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh cho Nguyên đơn do việc phải bỏ thời gian, công sức, chi phí để theo đuổi vụ kiện với số tiền 80.000.000 đồng. Thứ bảy - Căn cứ Khoản 3 Điều 46 Luật Kinh Doanh Bảo Hiểm: Buộc Tổng công ty cổ phần B (Bị đơn) phải thanh toán lại số tiền 3.500.000 đồng cho Công ty X (Là chi phí thuê cầu xe từ K đến Thành phố V). Thứ tám - (Ngoài ra) Nhằm tạo điều kiện cho Công ty X, có thể tiếp cận được nguồn vốn của Ngân hàng, Chúng tôi tha thiết, đề nghị Tòa án, có ý kiến với Ngân hàng E, về việc, không liệt Công ty X vào nhóm khách hàng nợ xấu.

**** Tại các bản tự khai, bản trình bày ý kiến người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Công ty Cổ phần B trình bày (sau đây gọi là Bị đơn):***

Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất xe 60C-232.40 với số tiền 301.634.000 VNĐ – chi trả cho người thụ hưởng là E. Căn cứ Khoản 1 Điều 46 Luật KDBH 2000, Luật KDBH sửa đổi, bổ sung 2010 (“Luật KDBH”) quy định về số tiền bồi thường bảo hiểm: “1. Số tiền bồi thường mà doanh nghiệp B phải trả cho người được bảo hiểm được xác định trên cơ sở giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm, nơi xảy ra tổn thất và mức độ thiệt hại thực tế, trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm. Chi phí để xác định giá thị trường và mức độ thiệt hại do doanh nghiệp B.” Theo đó, AAA có trách nhiệm bồi thường các thiệt hại thực tế đối với xe bị tổn thất cho Hà N, các khoản chi phí khác không thuộc thiệt hại thực tế của xe như: chi phí cầu kéo, chi phí lưu bãi (nếu có) sẽ được tách riêng để xem xét giải quyết chi trả bổ sung nếu HĐBH có thỏa thuận. Như AAA đã trình bày tại mục II. Phần A, chứng thư giám định tổn thất xe 60C -232.40 của N sau khi điều chỉnh tính toán lại, thì số tiền giải quyết bồi thường vật chất thân xe là: 156.140.000 VNĐ (chưa thuế). Nói cách khác, AAA đồng ý chi trả bồi thường bảo hiểm vật chất xe 60C -232.40 cho Hà N với số tiền là: 156.140.000 VNĐ (chưa thuế) – không chấp nhận yêu cầu thanh toán số tiền bồi thường 301.634.000 VNĐ vì không đảm bảo cơ sở pháp lý quy định. Đối với yêu cầu trả số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với số tiền 211.143.800 VNĐ – chi trả cho E. AAA không đồng ý yêu cầu trả lãi của Hà N, bởi lẽ: (i) AAA không từ chối trách nhiệm bảo hiểm trong Vụ việc này nên không được xem là chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền; (ii) Luật KDBH và HĐBH tại thời điểm các bên giao kết đã không có quy định thỏa thuận về lãi chậm thực hiện nghĩa vụ; (iii) Vụ việc bị kéo dài do Hà N cố ý bỏ mặc tài sản của mình, không thực hiện theo hướng dẫn của AAA, yêu cầu bồi thường bảo hiểm vượt quá giá trị thiệt hại của xe bị tổn thất – vi phạm Điều 51 LKDBH “trong trường hợp xảy ra tổn thất, người được bảo hiểm không được từ bỏ tài sản được bảo hiểm”. Ngoài ra, việc Hà N yêu cầu AAA trả tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ

ngày xảy ra tổn thất xe 60C -232.40 là hoàn toàn không hợp lý, bởi nếu giả sử trong trường hợp LKDBH và HĐBH có quy định lãi suất chậm thanh toán thì số tiền lãi này được tính từ thời điểm Bản án có hiệu lực thi hành mà AAA chậm thanh toán. Vì vậy, AAA không đồng ý với yêu cầu trả lãi chậm thanh toán này từ phía H vì không có cơ sở pháp lý để xem xét.

Đối với yêu cầu chi trả chi phí giám định 53.488.000 VNĐ – chi trả cho H .Tại Vụ việc này, ngay sau khi xảy ra sự kiện bảo hiểm do Hà N thông báo, AAA đã bằng chi phí và nguồn lực của mình tiến hành giám định (được xem như giám định lần 1), xác định mức độ thiệt hại của xe và đã thông báo chi trả số tiền bồi thường 143.400.227 VNĐ (chưa VAT) cho Hà N theo văn bản 1431/16/CV-AAA/BTTH ngày 01/12/2016 (Bút lục 53). Do Hà N không đồng ý với kết quả giám định AAA thực hiện (yêu cầu AAA thanh toán số tiền bồi thường 450.000.000 VNĐ (gấp 3 số tiền thiệt hại thực tế), nên đã yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định độc lập với chứng thư giám định của N (giám định lần 2). Căn cứ theo *Khoản 1 Điều 161 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*, quy định như sau: “*Điều 161. Nghĩa vụ chịu chi phí giám định: Trường hợp các bên đương sự không có thỏa thuận khác hoặc pháp luật không có quy định khác thì nghĩa vụ chịu chi phí giám định được xác định như sau:*

1. Người yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định phải chịu chi phí giám định, nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người đó là không có căn cứ. Trường hợp kết quả giám định chứng minh yêu cầu của họ chỉ có căn cứ một phần thì họ phải nộp chi phí giám định đối với phần yêu cầu của họ đã được chứng minh là không có căn cứ.” Xét thấy, H là bên yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định và kết quả giám định của N đối với thiệt hại thực tế của xe là 213.940.000 VNĐ (chưa VAT) (chưa điều chỉnh loại trừ như mục II. Phần A đã trình bày), so với số tiền H yêu cầu trong đơn yêu cầu độc lập ngày 14/07/2017 là 450.000.000 VNĐ – cho thấy yêu cầu không có căn cứ của Hà N đã không được Nam Việt chấp nhận kết quả trong chứng thư giám định chỉ gần bằng 50% yêu cầu của H, AAA chấp thuận chi trả 50% chi phí giám định là 26.744.000 VNĐ cho Hà N là phù hợp. Đối với yêu cầu (i) bồi thường thiệt hại do tổn thất thu nhập thực tế, uy tín thương mại bị mất 550.000.000 VNĐ và (ii) bồi thường thiệt hại do mất thời gian, công sức theo đuổi vụ kiện 80.000.000 VNĐ – chi trả cho H Căn cứ Điều 12.7 của QTBH 166 và QTBH SĐBS 75 về loại trừ bảo hiểm, có quy định: “*Điều 12: Điều khoản loại trừ chung: Bất kỳ tai nạn, tổn thất, thiệt hại hay trách nhiệm nào xảy ra, diễn tiến hay phát sinh trong những trường hợp sau không thuộc trách nhiệm bồi thường của Bảo hiểm AAA:*

12.7 Thiệt hại có tính chất hậu quả gián tiếp: Giảm giá trị thương mại; Thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác tài sản bị thiệt hại”

Xét thấy Yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của H thuộc điểm loại trừ bảo hiểm theo QTBH 166 đính kèm HĐBH đã giao kết; Vụ việc là tranh chấp số tiền bồi thường của HĐBH, số tiền bồi thường như đã được đề cập tại mục 1 phần B nêu trên sẽ không bao gồm các khoản tiền bồi thường thiệt hại – mà giả sử nếu có cũng bị loại trừ theo QTBH đã thỏa thuận kèm theo HĐBH. Vì vậy, đối với 2 yêu cầu bồi thường thiệt hại này của H, AAA không đồng ý chi trả vì không có cơ sở pháp lý để xem xét chi trả 02 khoản bồi thường thiệt hại này. Đối với yêu cầu chi phí lưu bãi của Unimex 252.000.000 VNĐ – chi trả cho U; Liên quan đến chi phí lưu bãi này của U, AAA có ý kiến: Unimex đã liên tục gửi công văn yêu cầu H nếu không đồng ý phương án sửa chữa do AAA tính toán, cần di dời xe ra khỏi bãi xưởng của Ô, cụ thể các ngày: 13/01/2017, 05/01/2018, 19/04/2018; 25/02/2019; 24/02/2021; 12/04/2021. Tuy nhiên, H đều phớt lờ các công văn này, không thực hiện việc di dời và bỏ mặc tài sản xe 60C-23240 bị hư hỏng với tình trạng ngày càng hỏng nặng hơn (đã kéo dài 8 năm) tại xưởng Ô. Cũng xét, công văn số 1480/16/CV-AAA/BTTT ngày 12/12/2016 của AAA thông báo về việc chi trả tiền bồi thường cho Hà N đã nêu rõ trong trường hợp H không đồng ý sửa chữa tại Unimex thì Ô có quyền kéo xe đến các đơn vị khác để sửa chữa – AAA chi trả số tiền như đề cập tại thông báo bồi thường. Do đó, việc Hà N phớt lờ bỏ mặc tài sản của mình đã kéo theo việc phát sinh chi phí lưu bãi và chi phí lưu bãi này thuộc trách nhiệm của H đối với U. Như vậy, AAA không có trách nhiệm chi trả chi phí lưu bãi này. Đối với yêu cầu chi trả chi phí kéo xe 3.500.000 VNĐ – chi trả cho Hà N. Như AAA đã đề cập phân tích tại mục II Phần A, xét thấy:

Theo Điều 15 QTBH 166 quy định như sau: “Bảo hiểm AAA sẽ thanh toán những chi phí cần thiết và hợp lý phát sinh trong tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm nhằm ngăn ngừa, hạn chế tổn thất phát sinh thêm, bảo vệ và đưa xe thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất, giám định tổn thất”

Như vậy, DNBH có trách nhiệm hướng dẫn và thanh toán chi phí cầu kéo xe từ nơi xảy ra tai nạn đến nơi có địa điểm sửa chữa xe gần nhất là Unimex với chi phí kéo xe thực tế H đã chi 3.500.000 VNĐ ứng trước – khoản chi này là hợp lệ theo HĐBH và QTBH 166. Như vậy khoản chi phí kéo xe 3.500.000 VNĐ này AAA đồng ý chi trả cho Hà N vì có cơ sở pháp lý vận dụng. Ý kiến của Bảo hiểm A liên quan đến yêu cầu chi trả số tiền sửa chữa và lưu bãi xe theo yêu cầu của U.

Đối với các khoản chi phí sửa chữa xe mà Unimex đã tiến hành thực hiện, AAA

đồng ý chi trả số tiền 11.580.000 VNĐ (chưa bao gồm VAT) trả cho U tương ứng với các chi phí sửa chữa xe theo từng hạng mục mà phía Unimex đã thực hiện theo công văn số: T01/2019/TTOTO ngày 25/02/2019 của Trung tâm Ô. Từ các ý kiến trình bày nêu trên, bằng văn bản này, AAA kiến nghị việc giải quyết Vụ việc như sau: Công ty A đồng ý chi trả các khoản sau: Bồi thường bảo hiểm chung cuộc cho Hà N số tiền 156.140.000 VNĐ (chưa bao gồm VAT) là giá trị thiệt hại thực tế của xe ô tô 60C-232.40 tại thời điểm xảy ra tổn thất ngày 14/08/2016 Do HĐBH có quy định Số tiền bồi thường (nếu có) sẽ được AAA thanh toán cho Người thụ hưởng là E, nên kính đề nghị Quý Tòa ghi nhận trong bản án việc chi trả cho E trường hợp này để AAA có căn cứ thực hiện thi hành án. Chi trả chi phí kéo xe cho Hà N số tiền 3.500.000 VNĐ. Chi trả 50% chi phí giám định cho Hà N số tiền 26.744.000 VNĐ. Chi trả chi phí đã sửa chữa xe cho Trung tâm ô tô Unimex số tiền: 11.580.000 VNĐ (chưa bao gồm VAT)

Tổng cộng số tiền AAA đồng ý chi trả: 197,964,000 VNĐ (Bằng chữ: *Một trăm tám mươi sáu triệu ba trăm tám mươi bốn ngàn đồng*). Các ý kiến đề trình trên cơ sở quy định pháp luật kinh doanh bảo hiểm mà bất kỳ một doanh nghiệp bảo hiểm nào trên thị trường bảo hiểm Việt Nam đều buộc phải tuân thủ trong quá trình kinh doanh bảo hiểm với sự giám sát chặt chẽ từ Bộ T2 và Cục Q3 bảo hiểm. Bảo hiểm AAA rất mong nhận được sự xem xét giải quyết Vụ việc một cách thấu tình, đạt lý từ phía Tòa án nhân dân các cấp có thẩm quyền nhằm đảm bảo quyền lợi ích hợp của các bên liên quan .

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP X1:

Công ty TNHH MTV X đã được Ngân hàng TMCP X1 - Chi nhánh S2- PGD Nguyễn Công T1 (E) cấp tín dụng số tiền: 840.000.000 đồng (tám trăm bốn mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng 2211-LAV-201500195 ngày 04/12/2015 và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2211-LDS-201500206 ngày 04/12/2015. Mục đích vay tiền: thanh toán tiền mua ô tô đầu kéo Mỹ hiệu International. Để đảm bảo khoản vay, TNHH X đã thế chấp xe đầu kéo Mỹ hiệu International, Biển kiểm soát 60C-232.40, số máy: 5HM2Y4128821, số khung: SJR9CN582478 (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 026536 do Phòng C- C1 cấp ngày 18/11/2015) theo Hợp đồng thế chấp số 127/2015/EIB/SG-NCT/TSTC, công chứng tại Phòng C2, TP Hồ Chí Minh ngày 03/12/2015; đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung Tâm Đăng Ký G, T Tại TP Hồ Chí Minh ngày 03/12/2015. Ngày 02/12/2015, Công ty X đã mua bảo hiểm (bảo hiểm thiệt hại vật chất xe) cho xe Biển Kiểm soát 60C-232.40 với người thụ hưởng bảo hiểm là E, theo hợp đồng bảo hiểm số 1101-0610-070100-15-000311 ký giữa Công ty X, E và Công ty Cổ phần B. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, TNHH X đã không thực hiện đúng cam kết thanh toán đã ký với Ngân hàng TMCP X1 - Chi nhánh

S2- PGD Nguyễn Công T1, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 11/10/2016. Ngân hàng TMCP X1 - Chi nhánh S2- PGD Nguyễn Công T1 đã nhiều lần liên hệ và đòi nợ, nhưng đến nay TNHH X vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP X1 – Chi nhánh S2- PGD Nguyễn Công T1. Do Công ty X vi phạm hợp đồng tín dụng nên E đã khởi kiện tại Tòa Án Nhân Dân Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Ngày 29/09/2017, Tòa án Nhân dân Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 38/2017/QĐST-KDTM, nội dung chi tiết như sau: Công ty TNHH Một Thành Viên X phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP X1 số tiền 808.127.640 đồng, trong đó: nợ gốc 728.000.000 đồng, nợ lãi 80.127.640 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 22/09/2017 trên số nợ gốc còn lại đến khi thanh toán hết nợ. Tài sản thế chấp đảm bảo việc thi hành án số tiền trên là chiếc xe ô tô đầu kéo Mỹ hiệu International biển kiểm soát 60C-23240, số máy: SHM2Y4128821, số khung: SIR9CN582478 (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 026536 do Phòng C- Công An Tỉnh C1 cấp ngày 18/11/2015) theo Hợp đồng thế chấp số 127/2015/EIB/SG-NCT/TSTC, công chứng tại Phòng công chứng số 1. TP Hồ Chí Minh ngày 03/12/2015; đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung Tâm Đăng Ký G, T Tại TP Hồ Chí Minh ngày 03/12/2015. Ngày 28/02/2018, tại trụ sở Cơ quan Thi hành án Thành phố B, tỉnh Đồng Nai, ngân hàng đã có ý kiến về việc tạm hoãn thi hành án chờ kết quả giải quyết tranh chấp giữa Công ty X và Công ty Cổ Phần B tại Tòa Án Nhân Dân Quận 3, TP .. Căn cứ Điều 5 hợp đồng bảo hiểm số 1101-0610-070100-15-000311, căn cứ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 38/2017/QĐST-KDTM, Ngân hàng TMCP X3 kính đề nghị Quý Tòa như sau: Toàn bộ quyền lợi bảo hiểm thiệt hại vật chất xe và các quyền lợi khác (nếu có) phát sinh do việc giải quyết tranh chấp hợp đồng bảo hiểm giữa Công ty X và Công ty Cổ phần B được chuyển trả cho ngân hàng để giải quyết khoản nợ của Công ty X tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm ô tô Unimex – Công ty CP X2:

Ngày 30/11/2016 chúng tôi đã gửi công văn thông báo cho Công ty CP B và cho dừng việc sửa chữa xe 60C-232.40 do qua nhiều lần đàm phán các bên không thống nhất được giá trị và phương án sửa xe. Tổng chi phí sửa chữa xe 60C-232.40 tính đến ngày 25/2/2019 bao gồm cả chi phí sửa xe (phần xưởng đã làm) và chi phí gửi xe với tổng số tiền là 66.858.000 đồng. Chúng tôi đề nghị các bên liên quan nhanh chóng giải quyết, thanh toán đủ số tiền và đưa xe ra khỏi xưởng vì xe lưu ở xưởng đã lâu, kích thước xe lớn, chiếm mất nhiều diện tích ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh dịch vụ

sửa chữa thường ngày của chúng tôi. Mặt khác xe để lâu ngày không được sửa chữa và hoạt động sẽ hỏng nhiều bộ phận tiếp theo gây thêm nhiều tổn thất cho các bên.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV X đối với bị đơn là Công ty Cổ phần B về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”.

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV X có tổng số tiền là: 250.414.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu bốn trăm mười bốn nghìn đồng); Trong đó gồm: số tiền bồi thường tổn thất vật chất xe ô tô đầu kéo mang biển kiểm soát 60C-232.40, chi phí sửa chữa xe là: 235.334.000 đồng (Hai trăm ba mươi năm triệu đồng ba trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của phía bị đơn về số tiền chi phí đã sửa chữa xe cho Trung tâm Ô là: 11.580.000 đồng (mười một triệu, năm trăm tám mươi ngàn đồng); và số tiền chi trả chi phí thuê cầu kéo xe là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) và chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán số tiền theo hợp đồng bảo hiểm. Nguyên đơn có trụ sở tại phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 360, 361, 363 Bộ luật dân sự; Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, xác định đây là quan hệ về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.2 Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật

[2] Xét yêu cầu của các đương sự:

2.1. Về yêu cầu nguyên đơn:

* Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV X buộc Công ty cổ phần B phải bồi thường như sau:

Buộc Công ty cổ phần B phải bồi thường tổn thất vật chất xe ô tô đầu kéo mang biển kiểm soát 60C - 232.40 số tiền là 301.634.000 đồng cho người thụ hưởng là Ngân hàng TMCP X1. Buộc Công ty cổ phần B phải trả số tiền tại do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, với số tiền tạm tính là 211.143.800 đồng cho Người thụ hưởng là Ngân hàng TMCP X1. Buộc Công ty cổ phần B, có nghĩa vụ phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 53.488.000 đồng, là tiền chi phí giảm định tổn thất, mà nguyên đơn đã phải nộp tạm ứng cho Tòa án. Buộc Công ty cổ phần B phải bồi thường thiệt hại do chậm thực hiện nghĩa vụ, dẫn đến thu nhập thực tế bị mất và uy tín thương mại của Hà Nguyên Đ1 bị giảm sút với số tiền là 550.000.000 đồng. Buộc Công ty cổ phần B phải bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh do việc phải bỏ thời gian, công sức, chi phí để theo đuổi vụ kiện với số tiền 80.000.000 đồng. Buộc Công ty cổ phần B phải thanh toán chi phí lưu bãi cho Trung tâm Ô Tô U (G được chỉ định) tạm tính là 252.000.000 đồng thanh toán qua Công ty X, vì Nguyên đơn là Người trực tiếp giao dịch gửi xe nên phải trực tiếp thanh toán để lấy được xe ra. Buộc Công ty cổ phần B phải thanh toán lại số tiền 3.500.000 đồng cho Công ty X (Là chi phí thuê cầu xe từ K đến Thành phố V). Ngoài ra - Nhằm tạo điều kiện cho Công ty X, có thể tiếp cận được nguồn vốn của Ngân hàng, Chúng tôi tha thiết, đề nghị Tòa án, có ý kiến với Ngân hàng E, về việc, không liệt Công ty X vào nhóm khách hàng nợ xấu.

Xét thấy qua tài liệu chứng cứ hồ sơ vụ án thể hiện: Thứ nhất Căn cứ khoản 1 Điều 46 Luật Kinh doanh bảo hiểm: *“Số tiền bồi thường mà doanh nghiệp B phải trả cho người được bảo hiểm được xác định trên cơ sở giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm, nơi xảy ra tổn thất và mức độ thiệt hại thực tế, trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm. Chi phí để xác định giá thị trường và mức độ thiệt hại do doanh nghiệp B.”*

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn không thống nhất được số tiền bồi thường do không có một bên giám định chứng minh thiệt hại thực tế. Trên cơ sở căn cứ Khoản 2 Điều 48 Luật Kinh doanh bảo hiểm, trong trường hợp các bên không thống nhất được mức độ tổn thất thì có thể trưng cầu giám định viên độc lập, nếu không thỏa thuận được việc trưng cầu giám định viên độc lập thì yêu cầu Tòa án chỉ định giám định viên độc lập. Vì vậy, ngày 21/05/2019, Tòa án ra Quyết định số

160/2019/QĐ-TCGD về việc trưng cầu giám định tổn thất đối với đối tượng được bảo hiểm. Ngày 20/09/2019, Công ty Cổ phần G ban hành Chứng thư giám định số 19ND0323-CT/TA xác định tổn thất hư hỏng của đối tượng bảo hiểm là 235.334.000 đồng. Như vậy việc áp dụng số tiền nêu trên làm căn cứ để ước lượng chi phí sửa chữa thiệt hại của đối tượng bảo hiểm là hợp lý. Vì vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu nguyên đơn buộc bị đơn bồi thường số tiền 235.334.000 đồng.

Đối với các yêu cầu buộc Công ty cổ phần B phải trả số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, với số tiền tạm tính từ ngày 14/08/2016 xảy ra sự kiện bảo hiểm, đến thời điểm tạm tính ngày 14/8/2023 (Tròn 7 năm) là: 211.143.800 đồng. Yêu cầu buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại do chậm thực hiện nghĩa vụ, dẫn đến thu nhập thực tế bị mất và uy tín thương mại của Hà Nguyên Đ1 bị giảm sút với số tiền là 550.000.000 đồng. Buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh do việc phải bỏ thời gian, công sức, chi phí để theo đuổi vụ kiện với số tiền 80.000.000 đồng. Các yêu cầu này không có cơ sở chấp nhận vì không có tài liệu chứng cứ chứng minh về thời gian, công sức mà nguyên đơn thiệt hại. Đối với giá trị thương mại bị giảm sút và thiệt hại do thực tế bị mất vì đối tượng bảo hiểm bị hư hại mà chưa thể sửa chữa. Căn cứ Điều khoản loại trừ tại Điều 12.7 QTBH 166 và QTBH 75 của Công ty B quy định:

“Điều 12: Điều khoản loại trừ chung

Bất kỳ tai nạn, tổn thất, thiệt hại hay trách nhiệm nào xảy ra, diễn tiến hay phát sinh trong những trường hợp sau không thuộc trách nhiệm bồi thường của Bảo hiểm AAA:

12.7 Thiệt hại có tính chất hậu quả gián tiếp: Giảm giá trị thương mại; Thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác tài sản bị thiệt hại”

Như vậy các yêu cầu nêu trên của phía nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận .

Về phía bị đơn có trình bày phía Nguyên đơn không chấp nhận mức bồi thường về chi phí sửa chữa từ phía do Bị đơn đưa ra, vì chi phí này quá thấp so với thiệt hại thực tế nhưng chính Nguyên đơn cũng yêu cầu mức bồi thường rất cao. Chính vì tranh chấp mức bồi thường này mà dẫn đến việc chiếc xe đầu kéo chưa được sửa chữa và phải để xe lưu bãi nhiều năm ở U. Qua các tài liệu đối chiếu, nhận thấy Công ty X có hành vi bỏ mặc tài sản được bảo hiểm do nếu không đồng ý phương án sửa chữa tại Unimex thì Nguyên đơn có quyền lựa chọn các đơn vị khác để sửa chữa và Công ty B sẽ chi trả mức phí bảo hiểm đã đưa ra như trên. Bất chấp phía Unimex đã liên tục gửi

công văn yêu cầu Công ty X nếu không đồng ý phương án của U thì cần di dời khỏi bãi xường của U (06 công văn vào các ngày 13/01/2017, 05/01/2018, 19/04/2018, 25/02/2019, 24/02/2021, 12/04/2021) tuy nhiên phía Nguyên đơn không có bất kỳ động thái nào dẫn đến đối tượng được bảo hiểm ngày càng bị hỏng hóc nặng nề hơn. Nếu không đồng ý với mức phí bồi thường, mà dẫn đến tài sản của mình không tiếp tục được sửa chữa, tổn hại cho tài sản ngày càng nặng hơn, thì hành vi của phía Nguyên đơn đã vi phạm Điều 51 Luật Kinh doanh bảo hiểm:

“Điều 51. Không được từ bỏ tài sản được bảo hiểm

Trong trường hợp xảy ra tổn thất, người được bảo hiểm không được từ bỏ tài sản được bảo hiểm, trừ trường hợp pháp luật có quy định hoặc các bên có thỏa thuận khác.”

Đối với yêu cầu của Nguyên đơn về chi phí lưu bãi do thời gian xe lưu bãi ở Trung tâm ô tô Unimex quá lâu. Căn cứ Công văn số T01/2018/TTOTO ngày 19/04/2018, chi phí lưu bãi kho bãi được tính là 50.000đ/ngày (tương đương 1.500.000đ/tháng) trong thời gian từ ngày 30/11/2016 đến ngày 05/01/2018, từ ngày 05/01/2018 chi phí lưu bãi là 100.000đ/ngày (tương đương 3.000.000 đồng/tháng). Nguyên đơn tạm tính chi phí lưu bãi là 252.000.000 đồng (19.000.000 đồng trước 05/01/2018 + 213.000.000 đồng sau 05/01/2018) là chưa hợp lý vì phía Nguyên đơn do không thống nhất mức bồi thường của bị đơn mà để mặc tài sản được bảo hiểm lưu bãi trong thời gian dài, không được sửa chữa. Vì thế yêu cầu của phía nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận .

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc có ý kiến với Ngân hàng E, về việc, không liệt Công ty X vào nhóm khách hàng nợ xấu. Đây là vấn đề nội bộ giữa Công ty và Ngân hàng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Như vậy, phía nguyên đơn có hành vi để mặc tài sản được bảo hiểm hỏng hóc nặng hơn nhưng cũng có nguyên nhân là do chi phí bồi thường mà bị đơn đưa ra quá thấp dẫn tới tranh chấp về mức bồi thường mà không thống nhất được. Do đó cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn phải trả số tiền : **235.334.000 đồng** (Hai trăm ba mươi năm triệu đồng ba trăm ba mươi bốn nghìn đồng) là có cơ sở pháp luật.

Căn cứ khoản 3 Điều 46 Luật Kinh doanh bảo hiểm thì “Ngoài số tiền bồi thường, doanh nghiệp B còn phải trả cho người được bảo hiểm những chi phí cần thiết, hợp lý để đề phòng, hạn chế tổn thất và những chi phí phát sinh mà người được bảo hiểm phải chịu để thực hiện chỉ dẫn của doanh nghiệp B”. Nên ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn đối với Chi trả chi phí đã sửa chữa xe cho Trung tâm ô tô Unimex số tiền: 11.580.000 VNĐ (chưa bao gồm VAT). Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn đối với yêu cầu phải

thanh toán lại số tiền 3.500.000 đồng cho Công ty X (Là chi phí thuê cầu xe từ K đến Thành phố V).

3 Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn và bị đơn đều phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4. Về chi phí tố tụng: “*chi phí giám định tài sản*” là 53.488.000 đồng (năm mươi ba triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng) buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền chi phí giám định số tiền là 53.488.000 đồng. đồng (năm mươi ba triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng)

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

6. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 46, 48, 51 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000;

Căn cứ vào Điều 360, 361, 363, của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 5 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV X đối với bị đơn là Công ty Cổ phần B về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”.

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV X có tổng số tiền là: **250.414.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu bốn trăm mười bốn nghìn đồng)**; Trong đó gồm: số tiền bồi thường tổn thất vật chất xe ô tô đầu kéo mang biển kiểm soát 60C-232.40, chi phí sửa chữa xe là: **235.334.000 đồng (Hai trăm ba mươi năm triệu đồng ba trăm ba mươi bốn nghìn đồng)**. Ghi nhận sự tự nguyện của phía bị đơn về số tiền chi phí đã sửa chữa xe cho Trung tâm Ô là: **11.580.000 đồng (mười một triệu, năm trăm tám mươi ngàn đồng)**; và số tiền chi trả chi phí thuê cầu kéo xe là **3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng)**.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 01/4/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Nguyên đơn Công ty TNHH MTV X chịu án phí là: **53.618.334 đồng** (năm mươi ba triệu, sáu trăm mười tám nghìn, ba trăm ba mươi đồng) khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí biên lai số 002253 ngày 27/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai là **27.045.768 đồng** (Hai mươi bảy triệu, không trăm bốn mươi lăm ngàn, bảy trăm sáu mươi tám đồng). Nguyên đơn còn phải nộp án phí là : **26.572.566 đồng** (Hai mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi hai ngàn, năm trăm sáu mươi sáu đồng)

- Bị đơn Công ty Cổ phần B phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: **12.520.700 đồng** (mười hai triệu năm trăm hai mươi ngàn bảy trăm đồng)

- Về chi phí tố tụng: “*chi phí giám định tài sản*” là **53.488.000 đồng** (năm mươi ba triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng) . Bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền chi phí giám định số tiền là **53.488.000 đồng. đồng** (năm mươi ba triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng)

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Ngân hàng TMCP X1; Trung tâm Ô – Công ty CP X2 được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Phước Vinh